|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/NQ-HĐND | *Quảng Trị, ngày tháng năm 2024* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số**

**sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

**KHÓA X, KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102 /2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số …../TTr-UBND ngày … tháng …năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về việc quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cá nhân là người đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo *(sau đây gọi là hộ đồng bào dân tộc thiểu số)* tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã được giao đất lần đầu nhưng nay không còn đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, đất sản xuất kinh doanh hoặc thiếu đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, đất sản xuất kinh doanh so với hạn mức giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định theo khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

2. Tổ chức được giao trách nhiệm quản lý quỹ đất tại địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Quỹ đất để thực hiện chính sách về đất đai**

Quỹ đất để thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc từ quỹ đất thu hồi thuộc các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh theo quy định tại khoản 29 Điều 79 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

**Điều 4.** **Chính sách hỗ trợ về đất đai để bảo đảm ổn định cuộc sống**

1. Đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2024 và pháp luật khác có liên quan.

2. Chính sách hỗ trợ lần đầu

Giao đất ở trong hạn mức được miễn, giảm tiền sử dụng đất; cho phép chuyển mục đích sử dụng sang đất ở trong hạn mức đất ở và được miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với đất có nguồn gốc được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận hoặc thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

Giao đất nông nghiệp trong hạn mức không thu tiền sử dụng đất;

Cho thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh được miễn, giảm tiền thuê đất;

3. Chính sách hỗ trợ do không còn đất, hoặc thiếu đất so với hạn mức

Trường hợp không còn đất ở thì được giao tiếp đất ở hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất khác sang đất ở trong hạn mức và được miễn, giảm tiền sử dụng đất; UBND tỉnh quy định diện tích quyết định diện tích giao đất ở;

Trường hợp thiếu đất ở thì được phép chuyển mục đích sử dụng sang đất ở trong hạn mức giao đất ở và được miễn, giảm tiền sử dụng đất;

Trường hợp không còn, thiếu đất sản xuất thì được giao tiếp đất nông nghiệp trong hạn mức không thu tiền;

Cho thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất kinh doanh mà được miễn, giảm tiền thuê đất;

4. Diện tích đất giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này được tính trong tổng diện tích của từng loại đất được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo không vượt quá hạn mức sử dụng đất cho từng loại đất trong quá trình thực hiện các chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

**Điều 5. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai**

Nguồn kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án hỗ trợ giao đất, cho thuê đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số; kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và các chi phí khác để thực hiện chính sách được bố trí từ ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng quy định.

2.Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X, Kỳ họp thứ ... thông qua và có hiệu lực từ ngày … tháng … năm 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;  - Chính phủ;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tài nguyên và Môi trường;  - Thường trực Tỉnh uỷ;  - Ủy ban nhân dân tỉnh;  - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;  - Ủy ban MTTQVN tỉnh;  - Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Các sở, ban, ngành tỉnh;  - TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;  - Báo Quảng Trị;  - Lưu: VT, VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh. | **CHỦ TỊCH** |